

Các biện pháp nâng cao hiệu quả thi tuyển quan chức ở Việt Nam từ thế kỷ XV-XIX và những giá trị kế thừa

Trần Hồng Nhung*, Nguyễn Thị Thủy**

Nhận ngày 7 tháng 4 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 11 tháng 7 năm 2023.

Tóm tắt: Với tinh thần trọng dụng nhân tài, các triều đại phong kiến Việt Nam đã tổ chức các khoa thi để tìm kiếm nhân tài trong cả nước. Từ thế kỷ XV-XIX, khoa cử là phương thức tuyển dụng quan lại chủ yếu của nhà nước quân chủ. Những quan chức trong bộ máy nhà nước đều phải qua thi tuyển mới được bổ nhiệm những chức vụ quan trọng từ trung ương đến địa phương. Bài viết chỉ ra những biện pháp được nhà nước quân chủ Việt Nam từ thế kỷ XV-XIX sử dụng để nâng cao chất lượng, hiệu quả của các kỳ thi tuyển chọn quan chức từ đó lựa chọn được nhiều nhân tài cho đất nước. Liên hệ với thực tiễn thi tuyển lãnh đạo ở Việt Nam đương đại, bài viết chất lọc những bài học lịch sử có thể kế thừa để hướng đến xây dựng chế độ thi tuyển khách quan, khoa học, nghiêm túc, chặt chẽ, tạo tiền đề cho việc cải cách bộ máy nhà nước trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Thi tuyển quan, thời phong kiến, giá trị kế thừa.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: With the spirit of meritocracy, Vietnamese feudal dynasties organized examination departments to find talents throughout the country. From the fifteenth to the nineteenth centuries, examinations were the main method of recruiting officials of the monarchical state. Officials in the state apparatus must pass the examination to be appointed to important positions from the central to local levels. The article points out the measures used by the Vietnamese monarchy from the fifteenth to the nineteenth centuries to improve the quality and efficiency of mandarin selection examinations, thereby recruiting many talents for the country. In relation to the actual examination for selecting key leaders in Vietnam today, the article summarizes lessons learned in history in order to overcome the shortcomings and limitations in the current civil service examination process, aiming to build an objective, scientific, serious and rigorous examination policy to create a premise for the reform of the state apparatus in the current context.

Keywords: Examination to select mandarin, feudal period, inheritance value.

Subject classification: Jurisprudence

1. Mở đầu

Thi tuyển lãnh đạo, quản lý là chủ trương đã được biết đến và thực hiện ở Việt Nam trong thời gian gần đây. Đề án “Thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp phòng” thuộc hệ thống chính trị trong cả nước do Bộ Nội vụ triển khai từ năm 2017 nhằm phát hiện, thu hút, trọng dụng những người có đức, có tài, phát huy được phẩm chất, trình độ, năng lực, kinh nghiệm để đóng góp sức lực, trí tuệ cho sự phát triển bền vững của đất nước; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp phòng; góp phần thực hiện tốt “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế”; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chủ trương đúng đắn này đã đem về những hiệu ứng tích cực cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ công chức. Nhiều cơ quan, đơn vị trong bộ máy nhà nước đã tuyển chọn được những cán bộ có tài đáp ứng vị trí, yêu cầu

*, ** Đại học Luật Hà Nội.

Email: tranhongnhung@hlu.edu.vn

công việc, qua đó khắc phục được một số tiêu cực trong công tác bổ nhiệm lãnh đạo trước đây. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế, bất cập trong quy định và thực tiễn áp dụng, đòi hỏi một hệ thống giải pháp toàn diện và hiệu quả hơn. Trong nỗ lực tìm kiếm những giải pháp, quay về lịch sử, tìm hiểu những kinh nghiệm của cha ông trong việc tuyển chọn nhân tài, kế thừa những bài học lịch sử đặt trong bối cảnh mới có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

2. Khái quát về chế độ thi tuyển quan ở Việt Nam từ thế kỉ XV-XIX

Trong bộ máy nhà nước phong kiến Việt Nam, “quan” là những người nắm giữ chức vụ, có vai trò tư vấn, giúp việc cho nhà vua triển khai các chính sách đối nội, đối ngoại. Với quan điểm “nước trị hay loạn cốt ở trăm quan”, các triều đại phong kiến Việt Nam đặc biệt chú trọng đến việc tuyển lựa nhân tài. Thời phong kiến, có 3 phương thức tuyển chọn quan lại chủ yếu, đó là: nhiệm tử, khoa cử, tiền cử và bảo cử. Nhiệm tử là phương thức tuyển dụng con cháu của quý tộc công thần và quan chức dựa trên ân trách của ông cha. Khoa cử là phương thức lựa chọn quan chức thông qua việc tổ chức các kỳ thi. Tiền cử và bảo cử là hai phương thức tuyển dụng thông qua giới thiệu, đề cử của các quan chức cao cấp trong triều đình.

Ở mỗi thời kỳ, việc áp dụng các phương thức tuyển dụng này được thực hiện ở mức độ khác nhau. Thời Lý - Trần, nhiệm tử là phương thức tuyển dụng quan chức chủ yếu, thông qua lệ nhiệm tử, hầu hết các chức vụ chủ chốt trong chính quyền trung ương và địa phương được trao cho người trong hoàng tộc. Phương thức này tiếp tục được áp dụng trong các thời kỳ tiếp theo, tuy nhiên đó không phải là con đường lựa chọn quan lại chủ yếu của các triều đại sau đó.

Khoa cử bắt đầu được thực hiện vào năm 1075 dưới triều nhà Lý, tuy nhiên khoa cử dưới thời Lý chưa được coi trọng. Từ thời nhà Trần, khoa cử dần trở thành thông lệ (7 năm một lần), tới thời hậu Lê và thời Nguyễn (thế kỉ XV-XIX), khoa cử là phương thức tuyển chọn quan lại chủ yếu¹. Theo Thân Nhân Trung trong văn bia 1484 và văn bia 1487 thì việc coi trọng khoa thi, quý trọng hiền tài, được thực hiện từ Lê Thái Tổ. Đến đời vua Lê Thánh Tông, khoa cử được nhà vua đặc biệt quan tâm và được tổ chức chu đáo. Ông còn cho khắc bia đá tên tiến sĩ để lưu danh sử sách. Vàng mệnh vua Lê, nhà văn hóa lớn Thân Nhân Trung, Tao Đàn Phó đô nguyên súy, đã thảo bài văn bia năm 1484 và bài văn bia năm 1487. Qua đó, ông nhấn mạnh những nội dung cơ bản trong chính sách hiền tài của Nhà nước: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh. Nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp kém. Vì thế các bậc thánh minh chẳng ai không coi việc kén chọn kẻ sĩ, bồi dưỡng nhân tài, vun trồng nguyên khí là công việc cần kíp. Bởi kẻ sĩ có quan hệ trọng đại với quốc gia như thế, cho nên được quý chuộng không biết đường nào...” (Đỗ Văn Ninh, 2001). Đó là câu nói tổng kết về vai trò của hiền tài đối với đất nước cũng như thái độ trọng nhân tài của Nhà nước, có thể coi là tuyên ngôn bất hủ về chính sách nhân tài không chỉ của nhà Lê mà của các triều đại phong kiến sau đó. Thời Nguyễn, năm 1807, vua Gia Long xuống chiếu: “Nước nhà muốn tìm người tài tất phải do khoa cử. Khoa cử trong các đời trước, đời nào cũng có tổ chức. Trước đây vì Ngụy Tây trộm nước gây rối nên phép xưa bị phế bỏ, sĩ khí đều mất. Nay thiên hạ đã yên, Nam Bắc thống nhất, đúng là lúc khôi phục mở mang chính trị giáo hóa” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2017: 216). Với quan điểm đó, nhà nước phong kiến từ thế kỉ XV-XIX đã thực thi nhiều chính sách khoa cử để tuyển dụng được nhiều nhân tài giúp dân giúp nước.

¹ So với hai phương thức nhiệm tử và tiền cử, khoa cử là phương thức tuyển dụng nhân tài mang lại nhiều ưu điểm hơn. *Một là*, tiêu chuẩn xét tuyển thống nhất trong phạm vi cả nước nên bảo đảm tính công khai, minh bạch, thúc đẩy việc tu dưỡng, phấn đấu của những người có chí hướng làm quan. *Hai là*, những người tham gia thi cử bình đẳng về cơ hội (trừ những người không đủ tiêu chuẩn về lý lịch và tư cách đạo đức), ai cũng có thể dự thi, không phân biệt thành phần, giàu nghèo, sang hèn hoặc tuổi tác; nếu thi đỗ đều có cơ hội được bổ nhiệm làm quan. *Ba là*, tạo sự gắn kết giữa học tập, thi cử và tham chính; thúc đẩy xã hội coi trọng giáo dục, văn hóa và tài năng cá nhân. Người làm quan đã qua học hành, thi cử đều giỏi văn chương, lịch sử, biết chăm lo cho nhân dân, có trình độ quản lý xã hội cao hơn và trọng đối đồng đều. *Bốn là*, đánh giá đúng năng lực của người làm quan theo những tiêu chí cụ thể, thống nhất; khách quan, công bằng, tránh được tình trạng kết bè, kéo cánh. *Năm là*, tuyển dụng qua khoa cử đem lại số lượng quan lại đông đảo hơn so với hai phương thức còn lại, đáp ứng được yêu cầu quản lý đất nước ngày càng cao của nhà nước phong kiến.

Thời Lê sơ, từ khoa thi Hội đầu tiên vào năm 1442 đến khoa thi Hội cuối cùng vào năm 1526, nhà nước đã mở 26 khoa thi đào tạo được 988 tiến sĩ. Đặc biệt dưới thời Lê Thánh Tông là đỉnh cao nhất của chế độ giáo dục, thi cử trong toàn bộ thời kỳ phong kiến Việt Nam. Chỉ riêng 37 năm dưới triều vua Lê Thánh Tông, có 12 khoa thi Hội với 501 người thi đỗ tiến sĩ, trong đó có 10 người đỗ Trạng nguyên. Nếu đem con số ấy so sánh với tổng số 2.325 người đỗ Thái học sinh và Tiến sĩ từ nhà Lý đến Duy Tân, trong đó có 30 người đỗ Trạng nguyên, thì thấy rằng chỉ trong vòng 37 năm dưới triều Lê Thánh Tông, số Tiến sĩ đã chiếm đến 20%, trong đó số Trạng nguyên chiếm trên 30% tổng số Tiến sĩ và Trạng nguyên trong toàn bộ lịch sử khoa cử thời phong kiến nước ta (Đỗ Văn Ninh, 2001). Thời Lê Trung hưng (1533-1788) triều Lê - Trịnh đã tổ chức 73 khoa thi, lấy đỗ 774 Tiến sĩ (Trịnh Thị Hà, 2019: 115). Thời Nguyễn, giáo dục và khoa cử Nho học từ khởi đầu đến khi kết thúc, cũng đã đạt được những thành tựu quan trọng. Từ năm 1802-1912 nhà Nguyễn đã tổ chức được 39 khoa thi lấy đỗ 558 người, bao gồm 11 người đỗ Đệ nhất giáp, 54 người đỗ Đệ nhị giáp, 227 người đỗ Đệ tam giáp và 166 người đỗ Phó bảng, không lấy Trạng nguyên (Vũ Văn Quân, 2012).

Để có được nguồn nhân lực đông đảo về số lượng và ngày càng nâng cao về chất lượng thực thi công vụ, các triều đại phong kiến đã nỗ lực xây dựng những kỳ thi tuyển mang tính khoa học, nghiêm minh, chặt chẽ, được bổ sung và hoàn thiện qua từng thời kỳ. Từ thế kỉ XV-XIX là giai đoạn chế độ thi tuyển quan chức đạt được nhiều thành tựu quan trọng, để lại giá trị tham khảo hữu ích cho quá trình tổ chức thi tuyển cán bộ, công chức cho bộ máy nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả thi tuyển quan chức của nhà nước phong kiến Việt Nam từ thế kỉ XV-XIX

3.1. Người dự thi cần phải qua vòng tuyển chọn ban đầu của các quan châu, xã để loại bớt những người chưa đủ trình độ

Từ thời Lê, trước khi thi Hương, thí sinh phải nộp lý lịch ông cha ba đời, gọi là Lê Bảo kết thi Hương. Quy định này được đặt ra từ năm 1462 thời Lê Thánh Tông. Theo đó, người nào thực có đức hạnh mới được khai vào sổ ứng thi. Sau Lê Bảo kết, thí sinh phải thi khảo hạch viết “ám tả cổ văn” để loại bớt những người không đủ trình độ. Như vậy, một người muốn dự thi Hương phải qua 2 điều kiện:

Thứ nhất, phải có đạo đức tốt và lý lịch trong sạch. Lê Bảo kết quy định: “Cho quan bản quản và bản xã giao kết, người nào thực có đức hạnh mới được khai vào sổ ứng thí. Những người bất hiếu, bất mục, loạn luân, điều toa, dẫu có học vấn văn chương, cũng không được vào thi. Giấy thông thân cước sắc² của các cử nhân phải khai rõ xã, huyện, tuổi, chuyên trị kính gì, cùng cước sắc của ông cha, không được giả mạo” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2017: 156). Ngoài ra, những người đang chịu tang cha hoặc mẹ, đang chịu tang ông bà nội mà đương sự là người phải lo việc thờ phụng không được tham gia kỳ thi. Những nhà làm nghề hát xướng cũng là nghịch đảng nguy quan và người có tiếng xấu thì bản thân và con cháu đều không được đi thi.

Thứ hai, có trình độ học vấn. Trình độ học vấn lúc đầu được kiểm tra bằng một kỳ thi liền với kỳ thi Hương. Đây là kỳ thi ám tả cổ văn. Ai đỗ kỳ này mới được vào thi Hương. Đây là thi sát hạch, không phải là kỳ thi chính thức. Đỗ kỳ này không có học vị gì, tuy nhiên ai đỗ đầu kỳ này cũng là một vinh dự.

Thời Nguyễn, các thí sinh cũng phải hội đủ hai điều kiện trên mới được phép dự thi Hương tuy nhiên quy định thời Nguyễn có phần khắt khe hơn về những đối tượng dự thi. Những người thuộc các trường hợp sau không được phép dự thi: đang chịu tang cha hoặc mẹ; đang chịu tang ông bà nội, nếu mình là người thừa trọng; những người ngoại tỉnh đến trú ngụ học thi (phải về thi tại quê quán); những người bất hiếu, bất mục, gian dâm, bạo tàn; thân thuộc với những người phạm tội chém, giảo, đi đày, sung quân; thân thuộc với giặc; những người làm nghề hát xướng.

Cha ông ta khi cử người đi dự thi tuyển hiện tại đặt trách nhiệm sàng lọc bước đầu cho quan châu, xã. Họ phải xác nhận về khả năng học vấn, văn hay chữ tốt của người dự khảo và phải

² Giấy ghi căn cước, chức nghiệp của từng người.

chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác nhận của mình. Đây được xem như một biện pháp để nâng cao chất lượng “đầu vào” của các kỳ thi tuyển.

3.2. Tổ chức nhiều kỳ thi với quy trình chặt chẽ, nghiêm ngặt về nội dung và tiêu chuẩn đạo đức

Sau khi vượt qua vòng khảo hạch, thí sinh tiếp tục vào thi 3 kỳ, đầu kỳ trước mới có quyền vào thi kỳ sau. Thi Hương tổ chức tại địa phương. Đỗ thi Hương mới được tham dự thi Hội. Thi Hội là kỳ thi quốc gia dành cho những người đã qua thi Hương, có bằng cử nhân và các Giám sinh đã mãn khóa Quốc Tử Giám. Tiếp sau đó, tất cả những người đỗ khoa thi Hội được vào dự thi Đình (có năm gọi là thi Điện) - được tổ chức tại sân điện của vua để phân định thứ bậc cao thấp, gồm ba bậc (tam giáp): Nhất giáp (Trạng nguyên, Thám hoa, Bảng nhãn), Nhị giáp (Hoàng giáp) và Tam giáp (Tiến sĩ). Các thí sinh phải qua nhiều vòng thi tuyển với sự sàng lọc nghiêm khắc, sự cạnh tranh khốc liệt. Sử chép về khoa thi Hội năm 1502, số ứng thí là 5.000 người nhưng lấy đỗ được 61 người. Khoa thi năm 1514, có 5.700 thí sinh Hội thi lấy đỗ 43 người (Phan Huy Chú, 2007: 22-23). Chính vì thế, hầu hết những người đỗ đạt đều xứng đáng và là những nhân tài góp nhiều công sức cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc mà lịch sử mãi ghi danh như Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Trương Hán Siêu, Lương Thế Vinh...

Về nội dung thi. Đối với thi tuyển quan (những người nắm chức vụ trong tổ chức bộ máy nhà nước) việc tuyển dụng được thực hiện nghiêm ngặt hơn so với thi tuyển lại viên, trải qua ba kỳ thi với các nội dung:

Thời Lê Thánh Tông, năm 1462, định lệ thi Hương gồm 4 trường thi. Trường nhất thi tứ thư và kinh nghĩa 5 bài; trường nhì thi chiếu, chế, biểu; trường ba thi thơ, dùng Đường luật, phú đều trên 300 chữ; trường tư thi văn sách, đề ra về kinh sử, thời vụ, 1.000 chữ trở lên (Phan Huy Chú, 2007: 14). Năm 1472, Lê Thánh Tông định rõ lệ thi Hội: trường nhất kinh nghĩa 8 đề trong Tứ thư, Luận ngữ 4 đề, Mạnh Tử 4 đề, cử tử chọn lấy 4 đề mà làm; Ngũ kinh mỗi kinh 3 đề, cử tử chọn lấy 1 đề; trường nhì thi chiếu, chế, biểu, mỗi thể 3 bài; trường ba thi thơ phú, đều 2 bài, phú dùng thể phú Lý Bạch; trường tư thi văn sách 1 bài, hỏi về ý chỉ kinh truyện giống nhau, khác nhau, chính sự các đời hay dở thế nào (Phan Huy Chú, 2007: 16). Vượt qua thi Hội mới được chọn vào thi Đình. Kỳ thi Đình rất đặc biệt, được tổ chức ngay trong sân điện của vua nên được gọi là thi Đình. Trong khi thi Hương và thi Hội thì thí sinh phải qua 4 kỳ thi, còn thi Đình chỉ làm một bài văn sách nên nó còn được gọi là “Đình đối sách văn”. Bài văn sách thi Đình do vua trực tiếp ra đề, phê bài, và xếp hạng. Các sĩ tử vào đến thi Đình thì đều được xem là thông sử học và văn học. Kỳ thi Đình đòi hỏi thí sinh còn phải hiểu biết tình hình giang sơn xã tắc, vận dụng trí tuệ của mình để lý giải và đồng thời đề ra kế sách nhằm giải quyết những vấn nạn mà giang sơn gặp phải.

Như vậy, thí sinh cần phải có rất nhiều kiến thức cũng như kỹ năng cai trị: hiểu biết kiến thức Nho giáo, văn chương trong sách do các hiền nhân viết, kỹ năng viết lách, lập luận như viết mệnh lệnh hay viết sớ tâu lên vua, kỹ năng hoạch định và giải quyết các vấn đề chiến lược của quốc gia bằng cách đưa ra được mưu lược trị dân, tề gia, trị quốc. Bằng cách này, khoa cử Nho giáo tạo nên đội ngũ quan lại không chỉ được trang bị lòng trung thành với đức vua mà còn có kỹ năng cai trị tương đối thành thực.

3.3. Giám khảo được tuyển chọn nghiêm ngặt, bài thi được chấm đi chấm lại nhiều lần với một quy trình chặt chẽ để đảm bảo tính chính xác, khách quan, công tâm

Giám khảo là những người có vai trò quyết định sự thành bại của kỳ thi nên được tuyển chọn rất nghiêm ngặt. Thời Nguyễn, giám khảo thường được chia làm nội trường và ngoại trường. Nội trường gồm có 4 đến 16 quan sơ khảo, 4 đến 6 quan phúc khảo, cùng 2 giám khảo. Ngoại trường gồm một quan chánh chủ khảo (Đề điệu), một phó chủ khảo và hai phân khảo. Tất cả người này đều có phẩm hàm từ tam phẩm tới ngũ phẩm (Emmanuel Poisson, 2018: 65). Quan sơ khảo thường chọn những quan đỗ Cử nhân chưa bổ dụng hoặc quan văn thất bát phẩm. Gọi là sơ khảo vì họ là những người chấm quyền thi đầu tiên. Sau khi chấm và phê loại Ưu, Bình, Thứ, Liệt bài thi sẽ được chuyển cho quan Giám khảo. Quan Phúc khảo: phúc khảo có nghĩa là chấm lại. Những quan phúc khảo được chọn từ quan văn ngũ lục phẩm. Sau khi quan Sơ khảo nộp quyền thi cho quan Giám khảo, quan Giám khảo sẽ phân đều các quyền thi này cho các quan Phúc khảo. Họ chấm xong cũng phê hạng bên cạnh lời phê

của quan Sơ khảo rồi chuyển về cho quan Giám khảo (giám là coi xét). Quan Giám khảo được chọn từ những quan văn tứ ngũ phẩm. Đây là những quan chấm bài sau cùng ở Nội trường. Họ sẽ xem lại các bài thi, nếu không có gì thay đổi sẽ ghi Phụng y, còn muốn thay đổi sẽ phê “nghĩ... hạng”.

Mỗi quyển thi sau khi được phê ba lời sẽ chuyển sang Giám viện ở Ngoại trường, giao cho quan Chánh chủ khảo.

Quan Phân khảo: thường chọn những quan văn tứ phẩm. Quan Phân khảo có nhiệm vụ xem xét những quyển thi bị hỏng ở Nội trường. Nếu thấy quyển nào đáng đỗ thì trình lên quan Chủ khảo. Quan Phó chủ khảo: thường chọn ở quan văn nhị tam phẩm. Nhiệm vụ là trợ giúp cho quan Chánh chủ khảo xét duyệt những quyển thi đã được chọn đỗ ở Nội trường hoặc chấm lại những quyển thi mà Phân khảo chọn lựa từ những quyển thi bị đánh hỏng ở Nội trường nhưng xét ra đáng đỗ. Quan Chánh chủ khảo: là quan lớn nhất trong trường thi, thường chọn từ những quan văn nhị tam phẩm. Quan Chánh chủ khảo có toàn quyền trong việc xét duyệt các quyển thi (Phạm Đức Thành Dũng, Vĩnh Cao, 2000: 92-92). Nếu chấm bài sai sót bị quan chấm lần sau phát giác, tùy lỗi nặng nhẹ mà trách phạt như trừ bổng, giáng cấp, cách chức.

Để đề phòng những tệ nạn trong khoa cử vì thân thích, lệ Hồi tị được áp dụng. Lệ định rõ những quan trường có người thân thuộc đi thi hoặc sung làm quan trường cùng một chỗ, dù thân thích là bên thông gia cũng trình rõ để xin Hồi tị (có nghĩa là lánh đi, không được tham gia công việc). Quan sơ khảo, phúc khảo kén người địa phương, nhưng người ở tỉnh này phải đi chấm thi ở tỉnh khác. Người có con em đi thi cùng tỉnh thì phải làm giấy “Hồi tị” - xin cáo không đi chấm trường, nếu không sẽ bị nghiêm trị. Để ngăn ngừa những chuyện tư tui, gian lận, ngay từ năm 1448, Đề điều Quốc Tử Giám Lê Khắc Phục đã xin Triều đình bắt các khảo quan phải uống máu ăn thề trước mỗi kỳ thi.

3.4. Phòng chống gian lận thi cử đảm bảo tính khách quan, minh bạch của các kỳ thi

Các triều đại phong kiến sử dụng các biện pháp chủ yếu như sau:

Thứ nhất, ban hành những quy định cụ thể đối với từng khâu trong quá trình thi. Các quy định về trường thi dần được hoàn thiện qua các đời ví dụ như:

Trong kỳ thi Hương, thí sinh phải tự chuẩn bị lều chõng, đồ đạc cá nhân của mình, không được mang sách vở, kinh sử vào trường thi, không được mặc áo kép mà phải mặc hai áo đơn, tất cả những vật dụng cá nhân sẽ được khám xét cẩn thận. Bài thi phải tuân theo quy tắc và thể thức nhất định. Ví dụ như thí sinh phải làm bài vào quyển thi nhận từ các lại phòng phát cho trước khi vào trường thi, bài thi phải có đóng dấu, không được phép tẩy xóa. Các thí sinh phải nhớ tên vua chúa, quan lại không được phạm húy; những lời của thánh hiền trong kinh sử phải viết chính xác, nếu sai sẽ bị hủy bỏ, không được phép bỏ trống bài thi...

Theo sách *Đại Nam Hội điển sự lệ*, triều Nguyễn quy định, thí sinh không được mang tài liệu vào trường thi, không được nói chuyện ồn ào, lộn xộn, phải đóng dấu “nhật trung” (dấu xác định bài thi được làm tại trường thi), cấm ngồi không đúng chỗ quy định, tự ý vứt bỏ hoặc sửa chữa bảng tên, cấm kê khai gian lận tên tuổi, cấm nộp bài trễ hạn. Nếu vi phạm, sĩ tử sẽ bị phạt rất nặng (Phạm Đức Thành Dũng, Vĩnh Cao, 2000).

Quyển thi được giao cho đề tuyền rọc phách rồi đưa vào nội trường. Để tránh việc nhận ra nét chữ của thí sinh, sau khi thu quyển, Đăng lục chép lại bài của thí sinh bằng son để giám khảo chấm. Chép xong, đọc đối chiếu với bản mực đen rồi tất cả người sao chép cùng ký tên, ghi chức tước vào trang đầu cả bản chính lẫn bản sao trước khi giao trả quan Đề điều. Bài thi được chấm xong, xếp đặt cao thấp rồi mới gửi cho Đề tuyền ráp phách, lập danh sách những người trúng cử, đem yết.

Sau mỗi kỳ thi, chủ khảo và giám sát mỗi người phải làm một bản phúc trình gửi về Kinh, nếu không sẽ bị phạt. Tất cả quyển thi đều được gửi về Kinh duyệt lại. Triều đình căn cứ quyển thi, xét lại lần nữa để định thứ bậc. Có thể lấy thêm người người trúng cách, đánh hỏng người đã đỗ, thay đổi thứ bậc sau khi kiểm duyệt.

Thứ hai, tăng cường giám sát đối với thí sinh và cả giám khảo trong suốt thời gian diễn ra cuộc thi và chấm thi.

Từ thời Lê đến thời Nguyễn, Bộ Lại và Quốc Tử Giám là những cơ quan chịu trách nhiệm chính về hoạt động đào tạo, tuyển dụng nhân tài bằng khoa cử. Để bảo đảm công bằng, khách quan,

tránh tiêu cực trong thi cử, hoạt động của những cơ quan này vừa chịu trách nhiệm trước nhà vua, vừa chịu sự giám sát của Bộ Lễ và Lại Khoa. Lại Khoa được nhà vua giao phó việc kiểm tra hoạt động thi cử, tuyển dụng; nếu phát hiện những biểu hiện gian lận, tiêu cực thì Lại Khoa có quyền chất vấn Bộ Lại, đồng thời báo cáo và tham mưu, tư vấn cho nhà vua biện pháp xử lý.

Trong quá trình thi, việc giám sát bên trong trường thi thuộc về hai quan giám sát ngự sử và đề tuyển. Quan giám sát ngự sử hàm ngũ phẩm có hai chức trách, giám sát việc tuân thủ quy định trường thi của các quan và tâu lên nhà vua. Các quan đề tuyển cũng hàm ngũ phẩm, có lính giúp việc thực hiện quyền giám sát các sĩ tử cũng như quan coi thi. Bên ngoài có quan đề đốc, đứng đầu võ quan của tỉnh, đốc suất quân lính ngày đêm canh gác.

Thứ ba, xử lý nghiêm minh những hành vi gian lận thi cử.

Để hạn chế những tiêu cực trong khoa cử, pháp luật đã định ra những chế tài nghiêm khắc. Theo quy định trong *Quốc triều hình luật* thời hậu Lê, hành vi vi phạm khoa cử được chia thành ba nhóm:

Nhóm các hành vi gian lận trong thi cử: các điều 98, 99, 101 (Viện Sử học, 2009). Các hành vi gian lận trong khoa cử là việc thí sinh dự thi nhờ người làm hộ bài thi, đi thi hộ; giấu sách vở vào trường thi; quan trường không khám xét hoặc khám xét gian dối những thí sinh tham dự kỳ thi; quan chấm thi có quan hệ thân thuộc với thí sinh dự thi mà không từ chối việc chấm thi... Chế tài xử phạt đối với các hành vi nhóm này chủ yếu là các hình phạt thuộc ngũ hình và các hình phạt khác.

Nhóm các hành vi đưa và nhận hối lộ trong thi cử: điều 138, điều 140. So với nhóm các hành vi gian lận trong thi cử, chế tài xử phạt nhóm hành vi đưa và nhận hối lộ trong thi cử nặng hơn, trong đó người nhận hối lộ chịu tội nặng hơn người đưa hối lộ. Căn cứ theo mức tiền nhận hối lộ mà người nhận hối lộ phải chịu mức hình phạt nặng, nhẹ tương ứng. Nhẹ nhất là tội biếm hoặc bãi chức; sau đó đến xử tội đồ hay lưu và nặng nhất là tử (chém).

Nhóm vi phạm về điều kiện dự thi: điều 628, 629. Thời phong kiến, điều kiện dự thi của thí sinh được quy định rất chặt chẽ, hiếm khi có sự châm chước hay ngoại lệ. Các hình phạt chủ yếu của nhóm vi phạm này thường là biếm hoặc xử tội đồ. Trường hợp quan giám ty biết nhưng không phát giác thì xử giảm nhẹ một bậc.

Như vậy, *Quốc triều hình luật* đã quy định rất cụ thể mức hình phạt đối với từng hành vi vi phạm trong hoạt động khoa cử để tuyển chọn quan chức cho bộ máy nhà nước, tùy theo tính chất mà mức độ chế tài nặng nhẹ khác nhau từ phạt roi, trượng, xử biếm, hạ chức quan cho đến nặng nhất là xử tử (chém). Các biện pháp chế tài thời phong kiến được đánh giá là nghiêm khắc, có tính răn đe cao bởi đối tượng phạm tội không chỉ chịu trách nhiệm về vật chất, hành chính, đạo đức mà còn chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình (bị lưu, đồ đến bị xử tử). Hiện nay, các hoạt động vi phạm trong thi cử chủ yếu được xử lý bằng biện pháp hành chính, xử lý kỷ luật, nên chưa đủ sức răn đe, hạn chế và ngăn chặn các vi phạm thi cử xảy ra.

Không chỉ quy định trên văn bản, sử sách đã chép lại nhiều vụ việc thực tế về việc xử phạt của Nhà nước như:

Năm 1775, trong kỳ đệ tứ khoa thi Hội dưới thời vua Lê Hiển Tông, con trai nhà bác học nổi tiếng Lê Quý Đôn là Lê Quý Kiệt, đã đổi quyển thi cho một thí sinh khác tên Đinh Thì Trung. Sự việc bị phát giác, Thì Trung bị đày ra Yên Quảng, Quý Kiệt bị tước bỏ học vị cho về làm thứ dân, rồi bắt giam vào ngục cửa Đông. Năm Minh Mạng thứ 6 (1826), Đặng Tề Mỹ bị phát giác mang tài liệu vào trường thi, nhân việc này, Bộ Lễ xin tăng mức phạt cao hơn nữa. Tề Mỹ là người đầu tiên bị hình phạt đóng gông trong 1 tháng, sau đó bị đánh bằng trượng rồi mới được tha. Ngoài ra, Mỹ cũng bị tước bằng cử nhân.

Đối với quan chủ khảo. Các quan trong ngành giáo dục dính đến gian lận thi cử có thể bị xử phạt nặng gấp nhiều lần dân thường. Nếu sửa bài thi của thí sinh cũng có thể bị xử đến án tử. Năm 1673, đời Lê Gia Tông, tại khoa thi Hương, Tham chính Thanh Hóa Vũ Cầu Hối nhận tiền bạc, gửi gắm học trò làm kỳ đệ tứ. Phủ doãn phủ Phụng Thiên Ngô Sách Dụ làm việc trong trường thi ngấm mang sách vở vào trường, sai gia nhân làm quyển thi đưa lẫn vào chằm lầy đổ, xoay tiền của. Việc bị phát giác, cả hai đều bị xử đến tội đồ (đi làm lao dịch).

Diễn hình là sự việc có liên quan đến “thần Siêu, thánh Quát”, diễn ra dưới thời nhà Nguyễn, năm 1841, niên hiệu Minh Mạng thứ 21. Trong kỳ thi Hương tại trường thi Thừa Thiên, Cao Bá Quát và Phan Nhạ làm sơ khảo, ngấm lầy muối đền làm mực chữa 24 quyển bài thi của học trò,

đỗ được 5 người. Sau khi Triều đình tra xét, các ông Quát, Nhạ bị khép tội xử tử, nhưng sau đó được tha cho đổi thành giáo giam hậu (giam được 3 năm thì thả) (Châu Anh).

4. Những giá trị kế thừa

Hiện nay, việc tuyển dụng cán bộ, công chức vào bộ máy nhà nước thông qua con đường thi tuyển cũng rất được coi trọng. Bên cạnh những thành công đạt được, vẫn còn những vướng mắc, bất cập trong vấn đề thi tuyển đã phát sinh. Nội dung thi tuyển tập trung nhiều vào các vấn đề lý luận chung hoặc mang tính lặp lại, khuôn mẫu, chưa đánh giá được đúng năng lực và kỹ năng của người dự thi. Tiêu cực trong thi cử vẫn là vấn đề nổi cộm. Phạm vi đối tượng tham gia thi tuyển còn bị bó hẹp. Một số cán bộ sau thi tuyển vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu công việc... Để khắc phục những bất cập đó, những kinh nghiệm tuyển dụng quan lại trong lịch sử cần được kế thừa là:

Một là, bài học trị quốc cần dựa vào nhân tài, muốn có nhân tài phải bồi dưỡng nhân tài; bồi dưỡng nhân tài phải đảm bảo cơ chế tuyển chọn khách quan và phản ánh đúng thực lực của thí sinh, tuyển được những người có tài đức đáp ứng được công việc. Nhà nước phong kiến Việt Nam rất coi trọng việc tuyển bổ những người đỗ đạt qua khoa cử vào bộ máy nhà nước. Những người đỗ đạt trong các kỳ thi đều được bổ nhiệm vào những vị trí tương xứng với tài năng của họ bất kể xuất thân từ những tầng lớp nào trong xã hội (trừ những ngoại lệ được pháp luật của các vương triều quy định). Người có học vị cao thì được bổ ngay, nhận chức cao và làm quan trong triều đình, nếu thi đỗ với học vị thấp hơn thì làm ở phủ, ở huyện. Bên cạnh đó, tùy theo đường xuất thân khác nhau, những nho sĩ sẽ được ban phẩm hàm, tư cách và chức quan khác nhau. Như vậy, có thể nói chế độ tuyển dụng quan chức thời phong kiến dựa vào bằng cấp, phẩm chất chuyên môn của người được tuyển dụng. Năng lực của từng người sẽ quyết định vị trí của người đó trong bộ máy nhà nước, chức vụ tương ứng với tài năng.

Hai là, cần tạo cơ hội và tạo môi trường để thu hút nhân tài. Nếu như trước kia, qua các cuộc thi như thi Hội, thi Hương, thi Đình, nhà vua tuyển chọn được người tài trên khắp cả nước, không phân biệt giai cấp, giàu nghèo, người nào tài giỏi đỗ cao sẽ được giữ các chức quan cao, thì ngày nay chúng ta nên mở rộng nguồn nhân lực sang khu vực tư nhân để tuyển chọn cán bộ, thông qua thi tuyển để bổ trí người tài đức vào giữ vị trí lãnh đạo quan trọng trong các cơ quan nhà nước. Chính tư tưởng “sống lâu lên lão làng” phải đi từng bước từ nhân viên, chuyên viên lên lãnh đạo theo quy trình rập khuôn, máy móc đã ngăn cản nhiều nhân tài có cơ hội đóng góp cho đất nước.

Ba là, chế độ thi tuyển quan chức trong thời kỳ này có tiêu chuẩn xét tuyển thống nhất, đồng bộ, toàn diện với nhiều nội dung có giá trị thực tiễn đến ngày nay. Sự thống nhất của chế độ thi tuyển được thể hiện trên cơ sở sự kế thừa quy định của thời kỳ trước và phát triển phù hợp với từng giai đoạn lịch sử của mỗi triều đại. Thời Lê sơ, nhà nước chú trọng hoàn thiện chế độ thi tuyển trong ba kỳ đại khoa là thi Hương, thi Hội và thi Đình. Trong mỗi kỳ thi đều quy định các nội dung cụ thể về điều kiện dự thi, địa điểm tổ chức, hoạt động tổ chức các kỳ thi (địa điểm, thời gian tổ chức, kiến trúc trường thi, quan trường, trường quy), phép thi, cách chấm điểm thi và ngạch lấy đỗ. Đến thời Lê Trung hưng, các nội dung này về cơ bản được giữ nguyên, đồng thời có những bổ sung phù hợp như hoạt động trường quy được quy định cụ thể, chặt chẽ hơn; chính sách lấy ngạch đỗ, đãi ngộ quan chức linh hoạt hơn. Thời Nguyễn, dù có nhiều cải cách mới để toàn diện hơn chế độ thi tuyển như đổi tên, bổ sung thêm học vị; bổ sung thêm hệ thống thi ba trường; thay đổi cách chấm thi... nhưng về cơ bản không làm thay đổi bộ khung đã được định hình từ thời Lê sơ. Chế độ thi tuyển thời kỳ này đã để lại nhiều giá trị thực tiễn, bài học kinh nghiệm cho chế độ thi tuyển cán bộ công chức hiện nay. Về năng lực, thí sinh được nhà nước sàng lọc, đánh giá, tuyển chọn thông qua các kỳ thi với cấp độ khó dần. Đầu tiên là kỳ khảo hạch để loại bớt những cá nhân không đủ điều kiện tham dự kỳ thi. Tại kỳ thi Hương, chỉ những thí sinh đỗ cả bốn kỳ mới được tham dự kỳ thi Hội, thi Đình để nhận được danh hiệu tiến sĩ và được bổ nhiệm vào các chức quan quan trọng trong bộ máy nhà nước. Đề thi thời phong kiến rất rộng, thường bao hàm nhiều lĩnh vực như thiên văn, địa lý, bói toán, y học, đặc biệt là các vấn đề mang tính thời sự đòi hỏi thí sinh ngoài thông thạo kinh sử thì phải biết vận dụng khả năng của bản thân để đưa ra những quan điểm, kiến giải độc đáo, giải pháp khả thi. Về tổ chức kỳ thi, các khoa thi thời phong kiến được tổ chức rất nghiêm ngặt, điều kiện dự thi được quy định chặt chẽ; nội dung thi và chấm thi rất nghiêm túc. Nhà nước cắt cử các quan có uy tín làm nhiệm vụ trông coi kỳ thi, chấm thi. Các quan làm nhiệm vụ

trông coi kỳ thi phải cẩn thận, nghiêm mật cả trong và ngoài trường thi, không chỉ giám sát các thí sinh mà còn giám sát hệ thống quan trường thi, đặc biệt là quan chấm thi để hạn chế các gian lận trong thi cử. Các quan chấm thi, trông coi thi phải cách ly với bên ngoài để tránh thiên vị hoặc hối lộ. Đặc biệt, quy định về trường quy cũng rất chặt chẽ, ngặt nghèo. Cả thí sinh và quan trường trong quá trình thi nếu có hành vi vi phạm đều bị xử phạt nặng, không có sự thiên vị. Bởi những quy định chặt chẽ này mà trải qua hàng bao thế kỷ thi cử thời phong kiến có rất ít nghi án tiêu cực, gian lận và là bài học kinh nghiệm để Nhà nước ta tham khảo, áp dụng trong hoạt động thi tuyển cán bộ, công chức hiện nay.

Bốn là, chế độ thi tuyển cần đảm bảo tính công khai, khách quan, minh bạch và tuân thủ pháp luật. Đây là tiêu chí đã được nhà nước phong kiến đặt ra. Đầu tiên, tính công khai, minh bạch của chế độ thi tuyển quan chức được thể hiện thông qua hoạt động khảo hạch trước kỳ thi Hương. Từ thời Lê Thánh Tông, Nhà nước đưa ra các quy định về điều kiện dự thi, bắt buộc các thí sinh tham gia cũng như quan khảo hạch phải tuân thủ nghiêm túc. Tới kỳ thi Hương, nếu thực tế chất lượng học sinh khác với chất lượng khảo hạch, thí sinh không làm nổi bài, thậm chí bỏ giấy trắng, thì các quan kiểm tra bị trừng phạt. Nếu có từ 5 thí sinh không đạt yêu cầu trở lên thì bị cách chức. Giáo thụ, huấn đạo có thể bị giáng cấp. Bên cạnh đó, tính công khai, minh bạch của chế độ thi tuyển quan chức được thể hiện trong việc tổ chức các kỳ thi. Cụ thể các kỳ thi Hương, thi Hội được tổ chức ở một khu đất rộng, có hệ thống quan trường chặt chẽ, đảm nhận các nhiệm vụ khác nhau như trông nom kỳ thi, chấm thi và bảo vệ, canh gác an ninh các kỳ thi. Quan trường có nhiệm vụ giám sát các thí sinh làm bài thi; quan giám sát lại có nhiệm vụ giám sát cả quan trường và các thí sinh, đảm bảo không xảy ra bất kỳ hoạt động gian lận, vi phạm nào trong thi cử. Đối với kỳ thi Đình, ngoài nghi lễ được tiến hành long trọng hơn hai kỳ thi còn lại thì tính công khai, minh bạch cũng được thể hiện rõ nét. Cụ thể kỳ thi Đình được tổ chức tại chính điện Triều đình, có sự tham gia của vua, vua trực tiếp ra đề và thí sinh làm bài tại chỗ trước sự giám sát của bộ phận quan trường.

5. Kết luận

Xin kết lại bằng lời đánh giá của học giả Phan Huy Chú về chế độ khoa cử thời Hồng Đức: “khoa cử các đời, thịnh nhất là đời Hồng Đức. Cách lấy đỗ rộng rãi, cách chọn người công bằng... Trong nước không để sót nhân tài, triều đình không dùng lầm người kém. Vì bấy giờ ra đề thi chuộng hồn hàm đại thể, không trở bằng những câu hiểm sách lạ, chọn người cốt lấy học thực tài, không hạn định ở khuôn khổ mực thước cho nên kẻ sĩ bấy giờ học được rộng rãi mà không cần phải tìm tòi tỉ mỉ, tài được đem ra ứng dụng mà không bị bỏ rơi. Trong nước không để sót nhân tài, triều đình không dùng lầm người kém. Bởi thể điển chương được đầy đủ, chính trị ngày càng thịnh hưng” (Phan Huy Chú, 2007: 18). Bài học trong tuyển dụng nhân tài thời Hồng Đức và các triều đại sau đó vẫn là kinh nghiệm quý báu còn nguyên giá trị đối với chúng ta hôm nay.

Tài liệu tham khảo

- Châu Anh (n.d). Gian lận thi cử trong lịch sử phong kiến Việt Nam. *Tạp chí Dáng nhớ*. <https://dangnho.com/kien-thuc/nghien-cuu-tim-hieu/gian-lan-thi-cu-trong-lich-su-phong-kien-viet-nam.html>
- Đỗ Văn Ninh. (2001). *Văn bia Quốc Tử Giám Hà Nội*. Nxb. Văn hóa Thông tin.
- Emmanuel Poisson. (2018). *Quan và lại ở miền Bắc Việt Nam, một bộ máy hành chính trước thử thách (1820-1918)*. Nxb. Tri thức.
- Phạm Đức Thành Dũng, Vĩnh Cao. (Chủ biên - 2000). *Khoa cử và các nhà khoa bảng triều Nguyễn*. Nxb. Thuận Hóa.
- Phan Huy Chú. (2007). *Lịch triều hiến chương loại chí*. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2017). *Đại Nam thực lục*. Nxb. Giáo dục.
- Trịnh Thị Hà. (2019). *Giáo dục và khoa cử Nho học Đại Việt thế kỷ XVII-XVII*. [Luận án tiến sĩ Sử học, Học viện Khoa học xã hội].
- Viện Sử học. (2009). *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*. Nxb. Giáo dục.
- Vũ Văn Quân (2012). Vài nét về hệ thống giáo dục và khoa cử Việt Nam thời Nguyễn. *Cổng Thông tin Đại học Quốc gia Hà Nội*. <https://vnu.edu.vn/home/?C1635/N4178/Vai-net-ve-he-thong-giao-duc-va-khoa-cu-Viet-Nam-thoi-Nguyen.html>